

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 105/QĐ-ĐHSPTN2 ngày 11 tháng 7 năm 2021

của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình

Tiếng Việt: Giáo dục Tiểu học

Tiếng Anh: Primary Education

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Giáo dục Tiểu học

Mã số: 7140202

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Vị trí làm sau khi tốt nghiệp:

- Giáo viên, cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội ở các trường tiểu học công lập và dân lập; các trường tư thục, trường song ngữ, trường quốc tế;

- Trợ giảng, giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý ở khoa tiểu học của các trường sư phạm; phụ trách chuyên môn ở phòng và sở giáo dục.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học về giáo dục tiểu học và các lĩnh vực khác có liên quan.

- Có thể tiếp tục học sau đại học các chuyên ngành: Giáo dục học (tiểu học), Quản lý giáo dục, Lí luận và lịch sử giáo dục và một số chuyên ngành gần khác.

Thời điểm điều chỉnh: 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục tiểu học có phẩm chất đạo đức tốt; Có năng lực nghề nghiệp vững vàng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục và các nhiệm vụ khác của người giáo viên tiểu học; tham gia công tác quản lý chuyên môn tại các tổ chức, cơ sở giáo dục hoặc các cơ quan quản lý giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học.

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Có phẩm chất chính trị và ý thức công dân, Có ý thức rèn luyện nâng cao đạo đức và phong cách nhà giáo;
M2	Nắm vững các nội dung dạy học và giáo dục học sinh ở cấp Tiểu học;

Mã mục tiêu	Mô tả
M3	Có khả năng tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hiệu quả học sinh phát triển phẩm chất và năng lực qua các hoạt động giáo dục ở cấp tiểu học;
M4	Có khả năng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ;
M5	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin trong các hoạt động nghề nghiệp;
M6	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học giáo dục trong bối cảnh trường tiểu học;
M7	Có khả năng quản lí, điều hành các hoạt động chuyên môn tại trường tiểu học;
M8	Có khả năng tư vấn về các vấn đề liên quan đến công tác dạy học và giáo dục học sinh tiểu học;

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
C2	Thể hiện ý thức tự học, tự rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất nhà giáo và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ
C3	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn
C4	Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C5	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua tập luyện một số môn thể dục thể thao.
C6	Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học, tri thức chuyên sâu về tâm lý học tiểu học, giáo dục học tiểu học để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên tiểu học
C7	Vận dụng được các tri thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nghệ thuật để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên tiểu học
C8	Xây dựng được kế hoạch học tập, bồi dưỡng phù hợp để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục
C9	Xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, phù hợp với điều kiện thực tiễn phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C10	Vận dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương
C11	Vận dụng thành thạo các phương pháp, hình thức, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học
C12	Tư vấn, hỗ trợ hiệu quả cho đối tượng học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học và giáo dục; Tư vấn được cho phụ huynh và quản lý nhà trường về các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.
C13	Đề xuất và thực hiện được các biện pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ trong trường tiểu học
C14	Phát triển được mối quan hệ hợp tác với đồng nghiệp, phụ huynh và các bên liên quan khác để nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục học sinh tiểu học
C15	Thực hiện được các nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	x			x		x	x	
C2	x						x	
C3				x	x	x		
C4				x	x	x		
C5	x	x	x	x	x	x	x	x
C6			x			x		x
C7		x	x			x		
C8		x		x			x	
C9		x	x				x	
C10		x	x				x	
C11						x	x	x
C12	x	x						x
C13	x		x					x
C14			x	x			x	x
C15					x	x		

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Giáo dục đại cương (không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh)	22
II	Giáo dục chuyên ngành	69
	II.1. Cơ sở ngành/nhóm ngành	14
	II.2. Chuyên ngành	32
	- Bắt buộc	24
	- Tự chọn	8
	II.3. Nghiệp vụ sư phạm	60
	- Bắt buộc	58
	- Tự chọn	02
	II.4. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	7
	TỔNG	135

4. Đối tượng tuyển sinh

4.1. Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.

4.2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

5.1.1. Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Thời gian cho một khóa đào tạo là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính và có thể có một học kỳ phụ.

Học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kỳ phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

5.1.2. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên tự sắp xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập như sau:

- Thời gian rút ngắn tối đa là 2 học kỳ chính.

- Thời gian kéo dài tối đa là 4 học kỳ chính. Thời gian tối đa sinh viên được phép học tập tại trường bao gồm cả thời gian dành cho học ngành phụ, học lấy bằng thứ hai (khi chưa làm thủ tục ra trường), các học kỳ được phép nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân và các học kỳ học ở trường khác trước khi chuyển về Trường ĐHSP Hà Nội 2 (nếu có).

- Thời gian kéo dài tối đa là 8 học kỳ chính dành cho các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ GD&ĐT để hoàn thành chương trình.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của Chương trình đào tạo;

- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng học tập đăng ký: tính bằng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng kí học vào đầu mỗi học kì đã được Nhà trường chấp nhận.

2. Điểm trung bình chung học kì: là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng kí học trong học kì đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình chung của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

SỐ TT	Môn học	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực tập, Thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Sêminar, thảo luận	Thực hành, thí nghiệm		
I	Khối kiến thức đại cương		22					
I.1.	Giáo dục chính trị							
1.	Triết học Mác - Lênin	CT111	3	32	26			90
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	2	21	18			60
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	2	21	18			60
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	2	21	18			60
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	2	21	18			60
I.2.	Kiến thức đại cương							
6.	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			60
7.	Tin học	TH101	2	15	30			45
I.3.	Ngoại ngữ							
8.	Tiếng Anh B1.1	TA101	3	30	30			75
9.	Tiếng Anh B1.2	TA102	2	20	20			45

10.	Tiếng Anh B1.3	TA103	2	20	20			45
I.4.	Giáo dục thể chất							
11.	Giáo dục thể chất 1	TC101	1				30	15
12.	Giáo dục thể chất 2	TC102	1				30	15
13.	Giáo dục thể chất 3	TC103	1				30	15
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		46					
II.1	Khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành		14					
14.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH201	2	15	30			60
15.	Văn học dân gian Việt Nam	GT202	2	15	30			60
16.	Văn học thiếu nhi	GT211	3	30	30			90
17.	Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học	GT204	2	15	30			60
18.	Giáo dục hòa nhập học sinh tiểu học	GT212	2	15	30			60
19.	Tập hợp - Logic	GT215	2	15	30			60
II.2	Khối kiến thức chuyên ngành		32					
	Bắt buộc		24					
20.	Tiếng Việt 1	GT330	3	30	30			60
21.	Tiếng Việt 2	GT214	3	30	30			60
22.	Số học	GT213	3	30	30			60
23.	Xác suất - Thống kê	GT303	2	15	30			60
24.	Hình học sơ cấp	GT304	2	15	30			60
25.	Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội	GT217	3	30	30			90
26.	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	GT218	2	15		15	15	60
27.	Công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	GT219	2	15			30	60
28.	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	GT220	2	15		30		60
29.	Tiếng Anh chuyên ngành	GT221	3	30		30		90
	Tự chọn		08					

	Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 5)							
30.	Tiếng Việt thực hành	VH102	2	15	30			60
31.	Ngôn ngữ học đại cương	GT307	2	15	30			60
32.	Từ Hán - Việt và sử dụng trong dạy học ở tiểu học	GT308	2	15	30			60
33.	Văn học nước ngoài	GT309	2	15	30			60
34.	Phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm	GT222	2	15	30			60
35.	Phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ cho học sinh tiểu học		2	15	30			60
	Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 5)							
36.	Các tập hợp số	GT302	2	15	30			60
37.	Dạy học toán ở tiểu học theo định hướng giáo dục STEM		2	15		30		60
38.	Đại lượng và đo đại lượng	GT318	2	15	30			60
39.	Đại số sơ cấp	GT319	2	15	30			60
40.	Tổ chức hoạt động trải nghiệm toán học ở tiểu học		2	15	30			60
	Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 5)							
41.	Sinh vật quanh ta	GT223	2	15	15	15		60
42.	Vật lí đại cương	GT329	2	15	30			60
43.	Hóa học đại cương	GT224	2	15	15	15		60
44.	Địa lí đại cương	GT327	2	15	30			60
45.	Tiến trình lịch sử Việt Nam	GT225	2	15	30			60
	Tự chọn 4 (Chọn 1 trong 5)							
46.	Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học	GT326	2	15			30	60
47.	Kĩ thuật tạo hình cơ bản	GT226	2	15			30	60
48.	Âm nhạc thường thức	GT227	2	15			30	60
49.	Mĩ thuật thường thức	GT228	2	15			30	60
50.	Môi trường và con người	SH101	2	15	30			60

III	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm		60					
	Bắt buộc		58					
51.	Tâm lí học đại cương (Tâm lí học 1)	TL501	2	15	30			60
52.	Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)	GD501	2	15	30			60
53.	Tâm lí học tiểu học	GT401	2	15	30			60
54.	Giáo dục học tiểu học	GT402	2	15	30			60
55.	PPDH tiếng Việt ở tiểu học 1	GT408	3	30	30			90
56.	PPDH tiếng Việt ở tiểu học 2	GT335	3	30	30			90
57.	PPDH toán ở tiểu học 1	GT336	3	30	30			90
58.	PPDH toán ở tiểu học 2	GT337	3	30	30			90
59.	PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1	GT338	2	15	30			60
60.	PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2	GT339	2	15	30			60
61.	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học	GT340	3	30	30			90
62.	Phương pháp tổ chức hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh tiểu học	GT341	3	30	30			90
63.	Công nghệ và PPDH công nghệ ở tiểu học	GT342	2	15	30			
64.	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc cho học sinh tiểu học	GT343	3	30			30	
65.	Mĩ thuật và phương pháp giáo dục mỹ thuật cho học sinh tiểu học	GT344	3	30			30	
66.	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	GT345	2	15			30	
67.	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục tiểu học	GT416	2	15	30			60
68.	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt - Văn học	GT346	2	15	30			60
69.	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học	GT347	2	15	30			60
70.	Thực hành SP 1	GT418	1				45	
71.	Thực hành SP 2	GT419	1				45	
72.	Thực hành SP 3	GT348	3				135	

73.	Thực tập sư phạm 1	GT349	3				135	
74.	Thực tập sư phạm 2	GT350	4				180	
Chuyên đề tự chọn (Chọn 1 trong 5)		02						
75.	Vận dụng các tư tưởng giáo dục hiện đại trong dạy học ở tiểu học	GT351	2	15	30			60
76.	Dạy học tích hợp ở tiểu học	GT352	2	15	30			60
77.	Tư vấn trong giáo dục tiểu học	GT353	2	15	30			60
78.	Kỹ năng giao tiếp sư phạm	GT354	2	15	30			60
79.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục tiểu học	GT417	2	15	30			60
IV	Khoá luận tốt nghiệp hoặc các môn chuyên ngành thay thế		07					
80.	Khoá luận tốt nghiệp	GT510	7					
	Môn chuyên ngành thay thế		7					
81.	Phát triển kỹ năng dạy học Tiếng Việt 1	GT511	4	30	60			120
82.	Phương pháp dạy học toán ở tiểu học	GT512	4	30	60			120
83.	Cơ sở và PPDH các môn tự nhiên - xã hội ở tiểu học	GT513	4	30	60			120
84.	Phát triển kỹ năng dạy học Tiếng Việt 2	GT514	3	30	30			90
85.	Phương pháp dạy học giải toán ở tiểu học	GT515	3	30	30			90
86.	Kỹ năng sống và phương pháp giáo dục lối sống cho học sinh tiểu học	GT516	3	30	30			90
	Tổng cộng		135					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra¹

Mã học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
CT111															
CT112															
CT113															
CT103															
CT115															
TA101															
TA102															
TA103															
TH101															
TC101															
TC102															
TC103															
CT105															
VH201	U	T					T		I	I		I	I		
GT202	U	T					T					I			
GT211		T					T								
GT204		T					T		I	I		T	I		I
GT212		T				T			I	I		I	I		I
GT215		T					T				I				I
GT330		T					T			I	I				I
GT214		T					T			I	I				I
GT213		T					T			I	I				I
GT303		T					T			I	I				I
GT304		T					T			I	I				I
GT217		T					T			I	I		I		I
GT218	U	T				U	U	T	I	I	T	I	I		I
GT219	U	T				U	U			T	I	I	T		
GT220		T				U	U	T	T	T	I	I		I	I
GT221		T		T			U							I	I
VH102		T					T			I	I	I		I	I
GT307		T					T			I	I	I		I	I
GT308		T					T			I	I	I		I	I
GT309		T					T					I	I		I
GT222		T				U	U			T	I	I	I		

¹ + "I" - mức Giới thiệu (Introduce): Môn học có giới thiệu (ngắn gọn) cho sinh viên nội dung liên quan đến chuẩn đầu ra CTĐT C_k, không có chuẩn đầu ra nào của môn học liên quan đến chuẩn đầu ra C_k;

+ "T"- mức Giảng dạy (Teach): Môn học có giảng dạy cho sinh viên nội dung mới liên quan đến chuẩn đầu ra CTĐT C_k, có chuẩn đầu ra của môn học liên quan đến chuẩn đầu ra C_k;

+ "U"- mức Sử dụng (Utilize): Môn học coi như sinh viên đã có kiến thức nhất định liên quan đến chuẩn đầu ra CTĐT C_k và sẽ sử dụng kiến thức này để đạt được chuẩn đầu ra khác, không có chuẩn đầu ra của môn học liên quan đến chuẩn đầu ra C_k.

Mã học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
GT....		T				U	U			T		I	I		
GT302		T					T			I	I				I
GT....		T				U	U	I	T	T		I	I	I	I
GT318		T				U	T			I	I				I
GT319		T				U	T			I					I
GT....	U	T	U			U	U		I	T	I	I	I		
GT223		T			I		T			I			I		I
GT329		T					T			I			I		I
GT224		T					T			I			I		I
GT327		T					T			I			I		I
GT225		T					T			I					I
GT326		T			I	U	U			T		I	I		I
GT226		T	I				T			I					
GT227		T	I				T			I					
GT228		T	I				T			I					
SH101		T			I	I	T			I		I	I		
TL501		T				T									
GD501		T				T									
GT401		T				T		I	I	I	I	I	I		I
GT402		T				T		I	I	I	I	I	I		I
GT408		T				U	U	I	T	T	T				
GT335		T				U	U	I	T	T	T				
GT336		T				U	U	I	T	T	T				
GT337		T				U	U	I	T	T	T				
GT338		T				U	U	I	T	T	T				
GT339		T				U	U	I	T	T	T				
GT340		T				U	U	I	T	T	T				
GT341		T			U	U	U	I	T	T	T				
GT342		T	I			U	U		T	T	T		I		
GT343		T				U	U		T	T	T		I		
GT344		T				U	U		T	T	T		I		
GT345		T	I			U	U		T	T	T			I	
GT416	U	T	U	U		U	U		U	U	U	U	I		T
GT346		T				U	U	U	I	T	T	I			
GT347		T				U	U	U	I	T	T	I			
GT418		T				T	T		T	T					
GT419		T				T	T		T	T					
GT348		T				T	T		T	T					
GT349	U	T				T	T	I	T	T	T	T		T	
GT350	U	T				T	T	I	T	T	T	T		T	
GT351	U	T				U	U	T	I	T		I		I	
GT352	U	T				U	U			T				I	

Mã học phần	Chuẩn đầu ra														
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15
GT353	U	T				T						T		I	
GT354	U	T				U	U	I		T		T	T	T	
GT417		T	T			U	U	I	I	I				I	I
GT510		T	U			U	U	I	I	I					T
GT511		T				U	U	T	I	T		I			
GT512		T				U	U		I	T		I			
GT513		T				U	U		I	T		I	I		
GT514		T				U	U	T	I	T		I			
GT515		T				U	U		I	T		I			
GT516		T				U	U		I	T		I	I		

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. *Triết học Mác - Lênin (03 tín chỉ)*

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng và những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

8.2. *Kinh tế chính trị Mác - Lênin (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

8.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8.4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, có mục tiêu, lý tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

8.5. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng; Môn học có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý

luận chính trị vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

8.6. Pháp luật đại cương (02 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lý trong công việc, trong thực tiễn và hình thành ý thức tự giác trong tuân thủ pháp luật.

8.7. Tin học (02 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học bao gồm: kiến thức cơ bản về máy tính; kiến thức về mạng máy tính và Internet; kiến thức và kỹ năng làm việc với các ứng dụng văn phòng.

8.8. Tiếng Anh B1.1 (3 tín chỉ)

Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; củng cố kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; củng cố và nâng cao vốn từ vựng.

8.9. Tiếng Anh B1.2 (2 tín chỉ)

Nắm được kiến thức ngữ pháp cơ bản, kiến thức đất nước học, phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng công nghệ.

8.10. Tiếng Anh B1.3 (2 tín chỉ)

Nắm vững những kiến thức cơ bản của tiếng Anh và có thể truyền đạt những nhu cầu đơn giản và cơ bản. Có thể hiểu các câu và cấu trúc thông dụng về các lĩnh vực liên quan trực tiếp nhất. Có thể giao tiếp trong các công việc đơn giản và lặp lại đòi hỏi việc trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc và lặp lại. Có thể mô tả bằng từ ngữ đơn giản các khía cạnh về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

8.11. Giáo dục thể chất 1 (01 tín chỉ)

Môn học GDTC 1 được cấu trúc gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành

- Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y - Sinh học TDTT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

+ Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục.

+ Thực hành nội dung chạy cự ly trung bình.

+ Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

8.12. Giáo dục thể chất 2, Giáo dục thể chất 3 (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDTT, y - sinh học TDTT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động.

Nội dung môn học GDTC 2, GDTC 3 bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

8.13. Cơ sở văn hóa Việt Nam

- Hiểu hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, từ đó, biết vận dụng vào nghiên cứu các vấn đề khoa học sư phạm ứng dụng và tổ chức dạy học ở trường PT.

Có thái độ trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống, thêm hiểu, thêm yêu con người và Tổ quốc Việt Nam. Có ý thức xây dựng nền văn hoá Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Môn học góp phần giáo dục phẩm chất chính trị, ý thức công dân; đạo đức, tác phong nhà giáo; hướng đến xây dựng môi trường giáo dục ở PT: văn hóa và an toàn.

8.14. Văn học dân gian Việt Nam

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học dân gian - một bộ phận quan trọng trong nền văn hoá, văn học dân tộc. Cụ thể:

+ Khái quát những vấn đề lí luận về văn học dân gian như: khái niệm, các đặc trưng cơ bản, hệ thống thể loại.

+ Làm rõ những phương diện nổi bật: đặc trưng, nội dung và nghệ thuật... của một số thể loại văn học dân gian Việt Nam, đặc biệt lưu ý các tác phẩm được giới thiệu trong SGK Tiếng Việt bậc Tiểu học.

8.15. Văn học thiếu nhi

- Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi, với các vấn đề trọng tâm sau:

+ Khái quát quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam qua các chặng đường lịch sử. Đồng thời, giới thiệu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học thiếu nhi Việt Nam như Võ Quảng, Tô Hoài, Phạm Hổ, Trần Đăng Khoa...

+ Giới thiệu khái quát về tình hình sáng tác văn học cho thiếu nhi trên thế giới, giúp sinh viên tiếp cận với một số tác giả nổi tiếng như R.Tagore, Andécxen, La Fonten, A.Puskin và các tác phẩm văn học tiêu biểu dành cho thiếu nhi.

- Từ những kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi Việt Nam và thế giới, giúp sinh viên biết cách tự học, tự nghiên cứu, có thể vận dụng, tìm hiểu văn học thiếu nhi một cách khoa học thông qua các giờ thảo luận, bài tập.

8.16. Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học

- Môn học tập trung nghiên cứu những qui luật hình thành và phát triển của các chức năng sinh lí của cơ thể trẻ em qua các lứa tuổi. Đồng thời môn học còn nghiên cứu về các đặc điểm giải phẫu sinh lí của trẻ em và thiếu niên cần thiết cho công tác của các nhà giáo dục.

- Môn học có mối quan hệ chặt chẽ và là kiến thức nền tảng cho các môn học Tâm lí học trẻ em.

8.17. Giáo dục hòa nhập học sinh tiểu học

- Môn học giới thiệu những vấn đề đại cương về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật: khái niệm, phân loại, nguyên gây khuyết tật ở trẻ em; đánh giá nhu cầu, khả năng TKT; đặc điểm, bản chất và tính tất yếu của phương thức giáo dục hòa nhập TKT...

- Môn học trang bị những kiến thức cơ bản, cần thiết về hỗ trợ chăm sóc - giáo dục trẻ khuyết tật lứa tuổi tiểu học theo từng dạng tật (khiếm thị, khiếm thính, khuyết tật ngôn ngữ, khuyết tật trí tuệ và một số dạng khuyết tật khác) và việc tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập TKT ở trường tiểu học (chương trình, mục tiêu, nội dung, tiến trình, phương pháp, kĩ thuật giáo dục hòa nhập TKT theo dạng tật...).

8.18. Tập hợp - Logic

Học phần Tập hợp - Logic tập trung vào các vấn đề cơ bản nhất của Toán học như Tập hợp, Quan hệ, Ánh xạ cùng với các kiến thức cơ sở của logic Toán học bao gồm Logic mệnh đề, Logic vị từ và các nội dung cơ bản về suy luận, chứng minh Toán học.

Từ đó có thể vận dụng trong tất cả các nội dung khác của Toán học và đặc biệt là vận dụng trong các thao tác suy luận, chứng minh Toán học nói riêng và các thao tác tư duy nói chung. Học phần này đóng vai trò thiết yếu đối với tất cả các lĩnh vực Toán học, các cấp đào tạo có sử dụng Toán học.

8.19. Tiếng Việt 1

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất và chức năng của ngôn ngữ.

- Cung cấp những kiến thức đại cương về ngữ âm và ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt, một số vấn đề liên quan đến ngữ âm học trong nhà trường (để học tốt, dạy tốt Học vần, Luyện từ và câu (từ láy), Chính tả (cách đánh dấu thanh), Tập đọc, Kể chuyện (phát âm đúng và hay)

- Cung cấp những kiến thức khái quát về từ vựng ngữ nghĩa học, từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, một số vấn đề có liên quan đến từ vựng ngữ nghĩa học trong nhà trường (để học tốt PPDHTV, dạy tốt LT&C).

- Môn học có quan hệ gần gũi, trực tiếp với những kiến thức trong sách giáo khoa Tiếng Việt bậc Tiểu học và các môn cơ sở ngành ngôn ngữ học.

8.20. Tiếng Việt 2

- Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ loại, về câu, các cách liên kết câu để tạo thành đoạn văn, các biện pháp tu từ. Đây là những kiến thức sẽ được sử dụng để dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, cụ thể là các phân môn như: Luyện từ và câu, Chính tả, Tập Làm văn.

- Tiếng Việt 2 là môn học tiếp nối của Tiếng Việt 1.

Đây là môn học có quan hệ chặt chẽ với các môn chuyên ngành như: Tiếng Việt 1, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, 2.

8.21. Số học

- Môn học này trang bị cho người học kiến thức về các tập hợp số như số Tự nhiên, Số nguyên, Số hữu tỉ, Số thực và Số phức. Sau đó là những nội dung thiết yếu của số học như: Lý thuyết Chia hết, lý thuyết đồng dư trong vành số nguyên, các hệ thống ghi cơ sở.

- Nội dung của môn học là nền tảng lý thuyết để người học sau tốt nghiệp có thể vận dụng hiệu quả, trong vai trò của người giáo viên tiểu học, khi thực hiện chương trình môn Toán cấp tiểu học ở mạch kiến thức *Số và các phép tính*

8.22. Xác suất - Thống kê

- Môn học này giới thiệu các kiến thức cơ bản nhất của lý thuyết xác suất về biến cố ngẫu nhiên và xác suất. Từ đó, vận dụng những kết quả của lý thuyết xác suất để giải quyết một số bài toán tổng quát trong thống kê được đặt ra từ thực tế cuộc sống cũng như từ các lĩnh vực khoa học.

- Nội dung của môn học là nền tảng lý thuyết để người học sau tốt nghiệp có thể vận dụng hiệu quả, trong vai trò của người giáo viên tiểu học, khi thực hiện chương trình môn Toán cấp tiểu học ở mạch kiến thức *Một số yếu tố thống kê và xác suất*

8.23. Hình học sơ cấp

- Môn học này trình bày sơ lược các kiến thức liên quan đến hình học, gồm: phương pháp tiên đề và việc xây dựng hình học Euclid bằng phương pháp tiên đề; các khái niệm đường, mặt, khối trong không gian Euclid và việc thực hiện phép đo kích thước của các đối tượng này.

- Nội dung của môn học là nền tảng lý thuyết để người học sau tốt nghiệp có thể vận dụng hiệu quả, trong vai trò người giáo viên tiểu học, khi thực hiện chương trình môn Toán cấp tiểu học ở mạch kiến thức *Hình học và đo lường*.

8.24. Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội

- Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội: sinh học, vật lí, hóa học, địa lí, lịch sử, xã hội học.

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cần thiết để dạy học các môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Lịch sử và địa lí ở tiểu học.

- Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở bắt buộc, có quan hệ mật thiết với các môn học về phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1 và phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2 (thuộc kiến thức nghiệp vụ) trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

8.25. Đánh giá trong giáo dục tiểu học

- Môn học giới thiệu một số khái niệm liên quan đến đánh giá, vai trò, chức năng, nguyên tắc, quy trình đánh giá trong giáo dục tiểu học. Môn học giới thiệu về nội dung, phương pháp, hình thức, các công cụ đánh giá và cách thực hiện hoạt động đánh giá trong giáo dục tiểu học.

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện hoạt động đánh giá trong giáo dục và trong dạy học ở trường tiểu học.

- Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, có quan hệ mật thiết với các môn học về phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học (thuộc kiến thức nghiệp vụ) trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

8.26. Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở khoa học ngành công tác Đội, sự quan tâm của Đảng, Bác Hồ, Nhà Nước đối với thiếu niên và tổ chức Đội. Lịch sử phát triển của tổ chức Đội, các nguyên tắc, phương pháp, nội dung và hình thức hoạt động Đội.

- Trang bị các kĩ năng thực hành nghi thức, thực hành các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; kĩ năng và phương pháp làm việc của giáo viên - tổng phụ trách, phụ trách chi đội TNTP Hồ Chí Minh.

8.27. Phát triển chương trình giáo dục tiểu học

- Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận về phát triển chương trình giáo dục tiểu học, đồng thời giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết, kiến thức thu được từ nghiên cứu lí luận vào thực hành phát triển chương trình giáo dục tiểu học.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học.

8.28. Tiếng Anh chuyên ngành

- Đây là môn học tiếp nối môn Tiếng Anh 1 (Mã môn học: A2.1), môn Tiếng Anh 2 (Mã môn học: A2.2) và môn tiếng Anh 3 (Mã môn học: A2.3), do đó, sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh, có kĩ năng nghe nói đọc viết tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc.

- Môn Tiếng Anh 3 - Chuyên ngành Giáo dục tiểu học tập trung vào kĩ năng dịch chuyên ngành, giúp sinh viên củng cố, bổ sung thêm vốn kiến thức về chuyên ngành, và có hệ thống thuật ngữ riêng liên quan tới chuyên ngành giáo dục tiểu học.

8.29. Tiếng Việt thực hành

- Tập trung vào vấn đề gì: Những vấn đề cơ bản của tiếng Việt liên quan đến kĩ năng đọc hiểu văn bản, kĩ năng đọc thành tiếng, kĩ năng viết chữ, kĩ năng viết văn bản và kĩ năng nghe nói.

- Có mối quan hệ trực tiếp với việc sử dụng ngôn ngữ trong đời sống giao tiếp hàng ngày đồng thời đây là cơ sở để học các môn Tiếng Việt 1 và 2, các môn về PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào: đây là môn được học ở kì đầu tiên, là sự kế tiếp và củng cố các kiến thức căn bản của Tiếng Việt được học ở phổ thông.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học về Tiếng Việt và các môn về PP trong chương trình.

8.30. Ngôn ngữ học đại cương

- Môn học này có liên hệ trực tiếp với việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

- Đây là môn học đại cương của Ngôn ngữ học, nó có quan hệ trực tiếp với các môn chuyên ngành như Tiếng Việt 1,2 và Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, 2 trong chương trình đào tạo.

8.31. Từ Hán - Việt và sử dụng trong dạy học ở tiểu học

- Môn học tập trung làm rõ các đặc điểm của từ Hán Việt: ngữ âm, cấu tạo và việc tiếp nhận từ Hán Việt nhằm nâng cao kiến thức về từ phục vụ việc giảng dạy phân môn LT&C, Tập đọc ở tiểu học.

- Môn học nhằm phát triển năng lực dạy học mở rộng từ Hán Việt, dùng từ Hán Việt.

8.32. Văn học nước ngoài

- Môn học gồm tinh hoa văn học châu Á, châu Âu, châu Mỹ... với những đỉnh cao, những tác gia, tác phẩm tiêu biểu góp phần làm nên diện mạo của văn học thế giới.

- Môn học cũng nhằm giúp người học hình thành, phát triển năng lực tiếp nhận (đọc hiểu, phân tích- đánh giá...) các văn bản văn học nước ngoài trong chương trình Tiếng Việt Tiểu học.

8.33. Phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm

- Tập trung vào vấn đề: Môn học Phát triển ngôn ngữ cho học sinh Tiểu học giúp người học nhận thức được vai trò của ngữ âm với các bộ phận của ngôn ngữ, ý nghĩa thực tiễn của ngữ âm đối với việc dạy đọc (chính âm), dạy viết (chính tả). Vấn đề chuẩn hóa phát âm, thống nhất chính tả, xây dựng chữ viết và cải tiến chữ viết. Chuyên đề tập trung vào hai phần chính: những vấn đề về ngữ âm tiếng Việt và chữ viết tiếng Việt, trên cơ sở đó đi tới vấn đề chuẩn hóa phát âm, đọc văn bản, chuẩn hóa chữ viết, luật chính tả hiện hành. Chuyên đề chia thành hai chương tương ứng với hai phần kiến thức đã nêu.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức về học vần, tập viết, chính tả,... và kĩ năng đọc, nghe, nói, viết trong chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào: môn học là sự củng cố và phát triển các kiến thức và kĩ năng trong môn Tiếng Việt 1 và môn Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ở Tiểu học.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Tiếng Việt thực hành, Tiếng Việt 1, PPDH Tiếng Việt ở TH 1 trong chương trình.

8.34. Phát triển năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ cho học sinh tiểu học

- Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp, hội thoại và những nghi thức lời nói.

- Môn học hướng tới thực hành những kiến thức cơ bản của ngôn ngữ và phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh Tiểu học.

8.35. Các tập hợp số

Môn học này tập trung vào trình bày các vấn đề liên quan đến việc xây dựng các tập hợp số theo phương pháp tiên đề

8.36. Dạy học toán ở tiểu học theo định hướng giáo dục STEM

- Học phần này trang bị cho SV những hiểu biết về giáo dục STEM và việc dạy học môn toán ở tiểu học theo định hướng này (theo các chủ đề)

8.37. Đại lượng và đo đại lượng

- Môn học này tập trung vào việc giới thiệu khái niệm về đại lượng và đo lường (theo quan điểm cấu trúc đại số); tìm hiểu dạy học đại lượng và đo lường ở tiểu học.

8.38. Đại số sơ cấp

- Môn học này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đại số sơ cấp, gồm: Biểu thức đại số; Phương trình, hệ phương trình; Bất đẳng thức, bất phương trình. Trên cơ sở đó, SV vận dụng dạy học yếu tố đại số ở tiểu học

8.39. Tổ chức hoạt động trải nghiệm toán học ở tiểu học

- Học phần này trang bị cho SV những hiểu biết về dạy-học trải nghiệm và việc tổ chức hoạt động trải nghiệm toán học ở tiểu học theo từng mạch kiến thức trong chương trình.

8.40. Sinh vật quanh ta

- Môn Sinh vật quanh ta cung cấp nguồn thông tin, cơ bản, thiết thực về thế giới sinh vật quanh ta làm nguồn tài liệu giúp người giáo viên tiểu học có đủ kiến thức để dạy môn “Cuộc sống quanh ta” “Tìm hiểu tự nhiên” và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở tiểu học.

8.41. Vật lý đại cương

- Môn học tập trung vào cung cấp những kiến thức cơ bản về Vật lý đại cương và hình thành năng lực vận dụng các kiến thức vật lý để giải thích các hiện tượng trong tự nhiên và cuộc sống hàng ngày.

- Môn học có quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng của chương trình tiểu học môn Tự nhiên và xã hội và môn Khoa học.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với môn học Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên cho học sinh tiểu học

8.42. Hóa học đại cương

- Học phần tập trung giới thiệu các vấn đề cơ bản về:

- Chất, tách chất và sự biến đổi của chất.

- Axit, bazơ, muối và các phản ứng trong cơ thể người.

- Các mỏ kim loại trên thế giới và ở Việt Nam.

- Một số vật liệu tự nhiên và nhân tạo.

- Năng lượng và các dạng năng lượng tự nhiên.

- Nước, vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên, sự ô nhiễm môi trường nước và các biện pháp xử lý ô nhiễm nước.

8.43. Địa lí đại cương

- Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về địa lí đại cương, gồm: khoa học vũ trụ, địa lí các châu lục, địa lí Việt Nam.

- Môn học này cung cấp một số kiến thức cơ sở nền tảng để sinh viên học tập môn PPDH khoa học xã hội ở tiểu học, là tiền đề để sinh viên dạy tốt môn Tìm hiểu xã hội cho học sinh tiểu học sau khi ra trường.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với môn học: PPDH khoa học xã hội ở tiểu học.

8.44. Tiến trình lịch sử Việt Nam

- Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về quá trình diễn biến của lịch sử dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay trên hai phương diện cơ bản dựng nước và giữ nước và mối quan hệ của nó. Đó là quá trình hình thành các nhà nước đầu tiên trên lãnh thổ nước ta; cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc kéo dài hơn một nghìn năm lịch sử; quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam; quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành dân chủ, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, cùng những thành tựu nổi bật về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, những kinh nghiệm, bài học lịch sử qua các quá trình đó.

8.45. Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học

- Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản về kĩ năng sống và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học: khái niệm, phân loại, ý nghĩa của kĩ năng sống; tầm quan trọng, mục tiêu; nguyên tắc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học; những kĩ năng sống cơ bản của học sinh tiểu học; phương pháp; hình thức giáo dục kĩ năng sống; cách thiết kế và tổ chức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học.

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cần thiết để giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học trong môn Giáo dục lối sống ở tiểu học.

8.46. Kỹ thuật tạo hình cơ bản

- Môn học trang bị những kiến thức, kĩ năng cơ bản về kỹ thuật tạo hình làm sản phẩm theo chủ đề, nội dung giáo dục hay lĩnh vực hoạt động kỹ thuật, bao gồm: kỹ thuật tạo hình giấy bìa (gấp, cắt, xé dán cơ bản, phối hợp và mở rộng), kỹ thuật làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau; kỹ thuật cắt khâu thêu và nấu ăn trong gia đình, kỹ thuật trồng cây rau hoa và chăn nuôi, kỹ thuật lắp ghép mô hình.

- Môn học hình thành và phát triển ở người học các năng lực tìm hiểu, liên hệ, vận dụng để thiết kế, xây dựng các nội dung và hoạt động nhằm giáo dục kỹ thuật cho HSTH gắn với đặc điểm HS lứa tuổi tiểu học, chương trình, nội dung và các hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học.

8.47. Âm nhạc thường thức

- Môn học tập trung vào tìm hiểu nền âm nhạc trong và ngoài nước, đồng thời tìm hiểu về tính năng một số những nhạc cụ phổ thông và cách thức tổ chức trò chơi âm nhạc.

- Có mối quan hệ trực tiếp nội dung kiến thức, kĩ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn âm nhạc

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc cho học sinh tiểu học trong chương trình

8.48. Mĩ thuật thường thức

- Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu gần hơn với kĩ thuật chuyên ngành.

8.49. Môi trường và con người

Môn học tập trung vào:

- Làm sáng tỏ một số khái niệm cũng như các nguyên lý sinh thái tạo nên sự vận động của hệ sinh thái gắn liền với hoạt động sống của con người.

- Đề cập đến vai trò của tài nguyên thiên nhiên, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên - nguyên nhân và hậu quả.

- Phân tích áp lực của dân số và nhu cầu của con người lên tài nguyên thiên nhiên, môi trường.

- Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu - vấn đề lớn tác động đến mọi mặt trong cuộc sống toàn cầu hiện nay. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là biện pháp hữu hiệu nhất để con người bảo vệ Trái đất.

- Môn học đồng thời trang bị cho người học những kiến thức về giáo dục môi trường để có thể thực hiện được nhiệm vụ GDMT trong nhà trường.

8.50. Tâm lý học đại cương (Tâm lý học 1)

Học phần này trang bị cho sinh viên những đặc tính cơ bản, những đặc điểm, quy luật chung của tâm lý, ý thức con người như là đặc tính của bộ não và của sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan.

Học phần có quan hệ với các học phần khác trong CTĐT như: Triết học Mác-Lênin, Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.

8.51. Những vấn đề chung về giáo dục học (Giáo dục học 1)

Học phần bao gồm: những vấn đề chung về giáo dục và giáo dục học - một khoa học về giáo dục con người; những nhiệm vụ, nội dung giáo dục; công tác quản lý nhà trường; người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường phổ thông.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như : Tâm lý học đại cương, Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường THPT.

8.52. Tâm lý học tiểu học

- Tập trung vào các vấn đề: Lý luận chung về sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học; các đặc điểm tâm lý cơ bản, hoạt động học và các dạng hoạt động khác của học sinh tiểu học; những nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục tiểu học, nhân cách người giáo viên tiểu học.

- Có mối quan hệ trực tiếp với môn Giáo dục lối sống, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, gián tiếp với các môn học khác ở trường Tiểu học.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học tiểu học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.

8.53. Giáo dục học tiểu học

- Tập trung vào những vấn đề lý luận dạy học; lý luận giáo dục trong nhà trường tiểu học và người giáo viên tiểu học

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Các môn học, Kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục.

- Tiếp nối các chương trình đào tạo trước thế nào ? Kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học (đại cương/cơ sở ngành/ chuyên ngành/nghiệp vụ nào...) trong chương trình: GDH1

8.54. PPDH tiếng Việt ở tiểu học 1

Môn học bao gồm những kiến thức lí luận chung về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học và phương pháp dạy học ba phân môn Tiếng Việt tiểu học: Học văn, Tập viết, Chính tả. Học phần trang bị kiến thức phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

Môn học nhằm phát triển năng lực dạy học một số phân môn Tiếng Việt ở tiểu học: Học văn, Tập viết, Chính tả.

8.55. PPDH tiếng Việt ở tiểu học 2

- Môn học tiếp nối Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 cung cấp kiến thức nội dung, phương pháp dạy học bốn phân môn Tiếng Việt: Tập đọc, Luyện Từ và câu, Tập làm văn, Kể chuyện.

- Môn học phát triển năng lực dạy học, đánh giá kết quả dạy học Tiếng Việt tiểu học.

8.56. PPDH toán ở tiểu học 1

Học phần này trang bị cho SV những kiến thức thuộc phần lí luận chung về dạy học toán ở TH theo định hướng phát triển năng lực (mục tiêu; nội dung; phương pháp; lập kế hoạch; kiểm tra-đánh giá; dạy học tình huống điển hình)

8.57. PPDH toán ở tiểu học 2

Môn học này trang bị cho SV những kiến thức thực hành việc dạy học nội dung số và phép tính; hình học và đo lường; xác suất và thống kê; thực hành trải nghiệm; phương pháp giải toán ở tiểu học.

8.58. PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1

- Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học; đồng thời giúp sinh viên biết cách thiết kế các hoạt động dạy học trong môn học Tự nhiên và xã hội, Khoa học ở tiểu học.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Cơ sở khoa học tự nhiên và cơ sở khoa học xã hội; Phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2.

8.59. PPDH các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học 2

- Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học; đồng thời giúp sinh viên biết cách thiết kế các hoạt động dạy học trong môn học Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Cơ sở khoa học tự nhiên và cơ sở khoa học xã hội; Phương pháp dạy học các môn về Tự nhiên và xã hội ở tiểu học 1.

8.60. Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học

- Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản về đạo đức, mục tiêu, chương trình, phương pháp giáo dục, hình thức, phương tiện, kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học.

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện hoạt động dạy học môn Đạo đức ở trường tiểu học.

8.61. Phương pháp tổ chức hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh tiểu học

- Phương pháp tổ chức hoạt động thể dục, thể thao cho học sinh tiểu học là môn học được biên soạn theo chương trình đào tạo cho sinh viên chuyên ngành giáo dục tiểu học. Mạch kiến thức và kĩ năng trong chương trình môn học là sự kế thừa, bổ sung và phát triển từ chương trình trước đó, nội dung chương trình môn học bao gồm:

- Phần 1: Lí thuyết (gồm chín chương), cuối mỗi chương đều có câu hỏi ôn tập và thảo luận chương nhằm định hướng cho người học sau khi kết thúc một chương.

- Phần 2: Thực hành (phương pháp dạy học GDTC cho học sinh tiểu học, thực hành giáo án dạy học thể dục, phương pháp tổ chức hoạt động GDTC và tổ chức kiểm tra, đánh giá và xếp loại trình độ thể lực cho học sinh tiểu học) sẽ trang bị cho sinh viên đầy đủ kỹ năng thực hành bài tập thể chất và các môn thể thao tự chọn trong chương trình GDTC tiểu học, giúp sinh viên tự tin vững vàng điều khiển và tổ chức giờ học GDTC.

8.62. Công nghệ và PPDH công nghệ ở tiểu học

- Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về công nghệ và mối quan hệ của nó với khoa học, kỹ thuật, vai trò công nghệ với đời sống; cách sử dụng một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình

- Môn học trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về tổ chức dạy học công nghệ trong trường tiểu học, bao gồm: đánh giá về vai trò, sự cần thiết của dạy học công nghệ cho HSTH, xây dựng mục tiêu, nội dung và môi trường dạy học công nghệ cho HS theo các chủ đề; lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phân công nghệ; thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học cho HS ở trường tiểu học.

- Môn học trang bị và phát triển các năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học công nghệ cho HSTH theo các dạng hoạt động/hình thức giáo dục đa dạng trong nhà trường tiểu học.

8.63. Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc cho học sinh tiểu học

- Trang bị kiến thức lý thuyết Âm nhạc cơ bản. Những khái niệm và hiểu biết về các phương tiện diễn tả âm nhạc như ca độ, trường độ, nhịp, quãng, điệu thức, giọng, hợp âm xác định giọng ... Từ đó ứng dụng vào ca hát, tập đọc nhạc từ lớp 1 đến lớp 5.

- Trang bị kiến thức về phương pháp dạy học âm nhạc cho tiểu học, các nguyên tắc dạy học bộ môn, cách sử dụng phương pháp dạy học âm nhạc để tổ chức các tiết học và hoạt động âm nhạc ngoại khóa cũng như thực hành xây dựng giáo án tiết học âm nhạc.

- Môn học có liên quan chặt chẽ với những môn: Âm nhạc, Đàn phím điện tử, Lựa chọn và sử dụng tác phẩm âm nhạc trong giáo dục Mầm non.

8.64. Mỹ thuật và phương pháp giáo dục mỹ thuật cho học sinh tiểu học

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về mỹ thuật căn bản, sinh viên có được các phương pháp thực hành một số loại hình mỹ thuật trong chương trình mỹ thuật phổ thông, cung cấp các kiến thức về lý luận giáo dục học bộ môn mỹ thuật, tâm lý tạo hình của lứa tuổi học sinh tiểu học. Sinh viên có được các kiến thức và kỹ năng dạy học mỹ thuật, được thực hành sư phạm để có thể tổ chức được các hoạt động dạy học mỹ thuật cho học sinh tiểu học.

- Môn học có quan hệ trực tiếp với chương trình giáo dục mỹ thuật cho học sinh tiểu học.

- Môn học có sự gắn kết chặt chẽ với môn Mỹ thuật trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học.

8.65. Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học

- Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về chương trình hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học: tổ chức hoạt động đờn cò, hoạt động Câu lạc bộ, hoạt động sinh hoạt lớp, tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề,...

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

8.66. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục tiểu học

- Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lý luận về nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục tiểu học: phương pháp nghiên cứu, quan

điểm tiếp cận trong nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học, cách thức lựa chọn vấn đề và thực hiện nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục tiểu học. Từ đó giúp sinh viên có được một số cơ sở lí luận và thực tiễn của phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để thực hiện tiểu luận, khóa luận, luận văn hay bài báo khoa học.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá học sinh tiểu học.

8.67. Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt - Văn học

- Môn học nghiên cứu vấn đề bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Văn - Tiếng Việt:

- Tầm quan trọng của vấn đề bồi dưỡng học sinh năng khiếu tiếng Việt.

- Phát hiện học sinh giỏi và học sinh có năng khiếu Văn - Tiếng Việt.

- Bồi dưỡng học sinh giỏi và học sinh có năng khiếu Văn - Tiếng Việt.

Để phát hiện, bồi dưỡng được những học sinh có năng khiếu Văn - Tiếng Việt ngay từ cấp tiểu học.

8.68. Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học

Môn học này trang bị cho SV những kiến thức cơ sở về việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học; một số chuyên đề toán bồi dưỡng học sinh.

8.69. Thực hành sư phạm 1

- Sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu về: 1/ Nhà trường tiểu học, bao gồm: chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức; nhiệm vụ và công việc cụ thể của các tổ chức, cá nhân trong nhà trường. 2/ Học sinh tiểu học, bao gồm: đặc điểm về tâm lí, sinh lí, tình cảm, nhận thức... của nhóm học sinh, một số cá nhân học sinh tiêu biểu. 3/ Các hoạt động giáo dục trong trường tiểu học, bao gồm: hoạt động dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khác.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Tâm lí học; Giáo dục học tiểu học; Giao tiếp sư phạm...

- Môn học kế thừa và có bổ sung thay đổi theo hướng tiếp cận năng lực.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học trong chương trình: Tâm lí học tiểu học; Giáo dục học tiểu học.

8.70. Thực hành sư phạm 2

- Tập trung vào vấn đề gì? Thực hành công tác giáo viên chủ nhiệm lớp và tổ chức các hoạt động giáo dục

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng nào trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Tâm lí học; Giáo dục học tiểu học; Giao tiếp sư phạm

8.71. Thực hành sư phạm 3

Môn học gồm 3 phần:

Phần 1: Thực hành sư phạm môn Tiếng Việt

- Rèn những kĩ năng công cụ trong dạy học môn Tiếng Việt của người giáo viên tiểu học

- Rèn các kĩ năng dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học: Học vần, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập đọc, Tập làm văn, Kể chuyện.

Phần 2: Thực hành sư phạm môn Toán

- Môn học tập trung vào hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy học toán cho học sinh tiểu học, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động dạy học toán cho học sinh tiểu học.

Phần 3: Thực hành sư phạm môn Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội

- Môn học tập trung vào hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy học khoa học tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch hoạt động dạy học khoa học cho học sinh tiểu học.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới môn học Cuộc sống quanh ta, Tìm hiểu tự nhiên, Tìm hiểu xã hội ở tiểu học; có mối quan hệ trực tiếp tới Hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở tiểu học.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học:

Cơ sở khoa học tự nhiên và cơ sở khoa học xã hội

Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên ở tiểu học

Phương pháp dạy học khoa học xã hội ở tiểu học

8.72. Thực tập sư phạm 1

8.73. Thực tập sư phạm 2

8.74. Vận dụng các tư tưởng giáo dục hiện đại trong dạy học ở tiểu học

Nội dung chính của môn học bao gồm: Các lý thuyết dạy học hiện đại và việc vận dụng các trong quá trình dạy học ở tiểu học. Các mô hình, phương pháp, kỹ thuật dạy học mới đang được thử nghiệm triển khai, áp dụng trong thực tiễn giáo dục tiểu học.

8.75. Dạy học tích hợp ở tiểu học

- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp ở tiểu học, trong đó bao gồm: những khái niệm có liên quan tới dạy học tích hợp, xu thế dạy học tích hợp trên thế giới, các dạng thức tích hợp ở tiểu học, cách thiết kế bài học tích hợp, cách thức tổ chức dạy học tích hợp.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học.

8.76. Tư vấn trong giáo dục tiểu học

- Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số kỹ năng tư vấn học đường cho học sinh tiểu học và tư vấn giáo dục cho phụ huynh, cộng đồng về giáo dục tiểu học.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới tất cả các thành tố của quá trình giáo dục tiểu học, bao gồm: mục tiêu giáo dục tiểu học, nội dung giáo dục tiểu học, phương pháp giáo dục học sinh tiểu học, hình thức giáo dục học sinh tiểu học, phương tiện giáo dục học sinh tiểu học, đánh giá sự phát triển của học sinh tiểu học.

8.77. Kỹ năng giao tiếp sư phạm

- Tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh phổ thông, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường phổ thông; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm.

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm sáng tạo; gián tiếp qua các môn học khác.

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm, Lí luận dạy học và giáo dục ở trường phổ thông, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

8.78. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục tiểu học

- Nội dung trọng tâm của môn học bao gồm: vai trò của việc UDCNTT trong dạy học ngày nay. Giới thiệu một số phần mềm chuyên dụng trong dạy học và ứng dụng các phần mềm này trong xây dựng bài giảng điện tử ở tiểu học.

- Môn học này là sự nối tiếp các môn học về lí luận giáo dục tiểu học, lí luận dạy học các môn học ở tiểu học, giúp hình thành cho sinh viên kiến thức và kĩ năng thiết kế và tổ chức dạy học dựa vào công nghệ thông tin.

8.79. Khoá luận tốt nghiệp

8.80. Phát triển kĩ năng dạy học Tiếng Việt 1

- Môn học trang bị một số kiến thức tiếng Việt và PPDH Tiếng Việt liên quan tới phương pháp dạy học ba phân môn Tiếng Việt tiểu học: Chính tả, Kể chuyện, Tập làm văn.

- Học phần phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực dạy học kiến thức tiếng Việt.

8.81. Phương pháp dạy học toán ở tiểu học

Môn học này trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về định hướng dạy học môn toán ở tiểu học, tập trung vào những vấn đề đổi mới của dạy học toán ở tiểu học hiện nay.

8.82. Cơ sở và PPDH các môn tự nhiên - xã hội ở tiểu học

- Môn học tập trung vào hướng dẫn sinh viên nghiên cứu một số vấn đề lí luận về cơ sở và phương pháp dạy học các môn tự nhiên và xã hội ở tiểu học: một số kiến thức về cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, hình thức dạy học các môn tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học; đồng thời giúp sinh viên biết cách thiết kế các hoạt động dạy học trong môn học Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Lịch sử và địa lí.

- Môn học có mối quan hệ trực tiếp tới môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Lịch sử và địa lí ở tiểu học.

8.83. Phát triển kĩ năng dạy học Tiếng Việt 2

- Môn học trang bị một số kiến thức tiếng Việt và PPDH Tiếng Việt liên quan tới phương pháp dạy học hai phân môn Tiếng Việt tiểu học: Tập đọc, Luyện từ và câu.

- Học phần phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực tiếp nhận văn bản.

8.84. Phương pháp dạy học giải toán ở tiểu học

Môn học này tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức về thực hành giải toán ở tiểu học (các phương pháp giải toán, các dạng bài vận dụng)

8.85. Kĩ năng sống và phương pháp giáo dục lối sống cho học sinh tiểu học

- Môn học giới thiệu một số kiến thức cơ bản về đạo đức, giá trị sống, kĩ năng sống, mục tiêu, chương trình, phương pháp giáo dục, hình thức, phương tiện, kiểm tra đánh giá trong giáo dục lối sống cho học sinh tiểu học.

- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng cần thiết để thực hiện hoạt động giáo dục lối sống ở trường tiểu học.

- Môn học nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ bắt buộc.

9. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó :

9.1. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

9.1.1. Lớp ngành học:

a) Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo.

b) Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

9.1.2. Lớp học phần và nhóm học tập:

a) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, cùng giảng đường và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

b) Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

c) Khoa quản lý học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kỳ và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kỳ chính và tuần thứ 3 của học kỳ phụ.

9.2. Đăng ký khối lượng học tập

9.2.1. Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khoá biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

9.2.2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

- Đăng ký sớm: thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 2 tháng;

- Đăng ký bình thường: thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ;

- Đăng ký muộn: thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

Riêng đối với 2 học kỳ đầu, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

9.2.3. Quy định khối lượng học tập: Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

- 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

9.2.4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

9.2.5. Cách thức đăng ký học tập: Sinh viên thực hiện đăng ký bằng phiếu đăng ký học tập, sổ đăng ký học tập (đã được cố vấn học tập kí duyệt) đồng thời đăng ký trực tuyến qua mạng (có cùng nội dung với phiếu đăng ký), nộp phiếu đăng ký về Phòng Đào tạo. Phiếu đăng ký có chữ ký của cố vấn học tập là bản đăng ký học tập chính thức của sinh viên. Phòng Đào tạo lưu giữ phiếu này trong mỗi học kỳ.

9.3. Rút bớt học phần đã đăng ký

9.3.1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

9.3.2. Điều kiện để sinh viên rút bớt các học phần đã đăng ký:

- Không vi phạm quy định về khối lượng học tập;

- Được cố vấn học tập chấp thuận;

Sinh viên phải tự viết đơn theo mẫu quy định của trường, nộp đơn đã có kí duyệt của cố vấn học tập về Phòng Đào tạo và chỉ được phép nghỉ học đối với học phần xin rút bớt sau khi có thông báo chấp thuận của Phòng Đào tạo gửi đến giảng viên giảng dạy học phần và sinh viên. Khi chưa được sự đồng ý của Phòng Đào tạo mà sinh viên tự ý nghỉ học thì sinh viên phải nhận điểm F cho học phần đó.

9.4. Đăng ký học lại

9.4.1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F^+ hoặc F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt điểm A, B^+ , B, C^+ , C, D^+ , D.

9.4.2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F^+ hoặc F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

9.4.3. Ngoài các trường hợp trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm D^+ , D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm của học phần đăng ký học lại được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

9.5. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

9.5.1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Nhà trường xếp hạng năm đào tạo cho sinh viên như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Dưới 33 TC;

- Sinh viên năm thứ hai: Từ 33 TC đến dưới 66 TC;

- Sinh viên năm thứ ba: Từ 66 TC đến dưới 99 TC;

- Sinh viên năm thứ tư: Từ 99 TC trở lên.

9.5.2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, Nhà trường xếp hạng học lực cho sinh viên như sau:

- Hạng bình thường: Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

- Hạng yếu: Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

9.5.3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước đó để xếp hạng sinh viên về học lực.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Quang Huy